

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN ĐỀ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **59/2018/HNGĐ-ST**

Ngày: 25-10-2018

*V/v tranh chấp ly hôn,
nuôi con khi ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chiêm Ngọc Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Văn Hành.

2/ Bà Bùi Thị Hồng Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Thị Qual – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Kiến Thức - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25/10/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 133/2018/TLST-HNGĐ ngày 09/7/2018 về tranh chấp ly hôn và nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/10/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị Kiều N, sinh năm 1982 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp C, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Hữu H, sinh năm 1980 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp C, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/5/2018 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Võ Thị Kiều N trình bày: Vào năm 2005 bà và ông Nguyễn Hữu H tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã B, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 125 ngày 13/9/2005. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do bất đồng ý kiến, ông H cộc cằn, nóng nảy, đánh đập làm bà rất sợ. Bà và ông H đã không còn chung sống từ năm 2013 đến nay. Hiện bà N nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng với ông H nên yêu cầu được ly hôn.

Thời gian chung sống bà N và ông H có một con chung là: Nguyễn Võ Kim Ng, sinh ngày 01/10/2007, hiện đang chung sống cùng nhà với bà và ông H. Bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến đủ 18 tuổi, không yêu cầu ông H

cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Nguyễn Hữu H trình bày: Ông thống nhất với bà N về thời gian chung sống, tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn, về con chung, tài sản chung và nợ chung đúng như của bà N trình bày. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bà Võ Thị Kiều N sống không chung thủy. Nay bà N yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý. Ông H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Võ Kim Ng đến đủ 18 tuổi, không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con chung. Tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề xác định: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, tuy nhiên sự chấp hành pháp luật của bị đơn chưa đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Kiều N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Kiều N, nhận thấy bà N và ông H tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2005, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã B, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 125, ngày 13/9/2005. Quan hệ hôn nhân của bà N và ông H không vi phạm các điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Nhưng sau một thời gian chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do bất đồng ý kiến, quan điểm sống không phù hợp dẫn đến cãi vã, mâu thuẫn kéo dài, vợ chồng không có tiếng nói chung. Hiện bà N nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng với ông H nên có nguyện vọng ly hôn. Hiện nay tuy vẫn ở cùng nhà nhưng bà N và ông H đã không còn quan tâm đến nhau từ tháng 3/2017 đến nay. Hội đồng xét xử đã phân tích động viên bà N suy nghĩ lại, hàn gắn tình cảm vợ chồng với ông H, nhưng bà N vẫn cương quyết xin được ly hôn và ông H cũng đồng ý ly hôn, từ đó cho thấy tình trạng hôn nhân giữa các bên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Võ Thị Kiều N được ly hôn với ông Nguyễn Hữu H.

[2] Về con chung: Thời gian chung sống bà N và ông H có một con chung là Nguyễn Võ Kim Ng, sinh ngày 01/10/2007, hiện đang chung sống với bà N, ông H. Cả bà N và ông H cùng yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ng đến khi cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con. Thấy rằng, bà N, ông H đều có việc làm, thu nhập ổn định, đảm bảo đủ điều kiện nuôi con, tuy nhiên cháu Ng có nguyện được sống với mẹ. Ông H không đồng ý giao con cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng vì ông cho rằng, trong thời gian bà N đi làm xa nhà, bà N đã làm công việc không trong sạch, nếu giao con cho bà N nuôi dưỡng sẽ ảnh hưởng

không tốt đến sự phát triển của cháu Ng, nhưng ông H không có chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của ông là đúng sự thật. Do đó xét quyền lợi về mọi mặt của cháu Ng theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà N, giao cháu Ng cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi. Ông H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà N và ông H trình bày không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Từ những phân tích nêu trên, xét yêu cầu của nguyên đơn, đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Án phí sơ thẩm: Bà Võ Thị Kiều N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Khoản 3 Điều 36, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ vào điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Kiều N.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Kiều N được ly hôn với ông Nguyễn Hữu H.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Võ Kim Ng, sinh ngày 01/10/2007 cho bà Võ Thị Kiều N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu Ng đủ 18 tuổi. Ông Nguyễn Hữu H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Nguyễn Hữu H được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở. Ông Nguyễn Hữu H không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Võ Kim Ng của bà Võ Thị Kiều N.

- Về tài sản chung: Bà Võ Thị Kiều N và ông Nguyễn Hữu H trình bày không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Bà Võ Thị Kiều N và ông Nguyễn Hữu H trình bày không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2/ Về án phí sơ thẩm: Bà Võ Thị Kiều N phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền ứng án phí bà N đã nộp 300.000 đồng, theo Biên lai số 0009642, ngày 03/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, bà N đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí.

Ông Nguyễn Hữu H không phải chịu án phí sơ thẩm.

3/ Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải Thi hành án có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ST (Phòng KTNN&THA);
- Đương sự;
- VKSND huyện Đ;
- UBND xã B, h. Đ;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Chiêm Ngọc Linh